TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 215/2020/QĐST-HNGĐ	*Hải An, ngày 22 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 234/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Lê Thị T; cư trú tại: Số 9, ngách 2, ngõ 775 H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

2. Anh Phạm Văn T; cư trú tại: Số 9, ngách 2, ngõ 775 H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 10 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp; từ năm 2019 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhưng không có kết quả. Vì vậy, chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T có đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T có một con chung là Phạm Tuấn T.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 14 tháng 10 năm 2020, chị Lê Thị T và anh

Phạm Văn T thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận giao con chung Phạm Tuấn T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2008 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh Phạm Văn T có trách nhiệm đóng góp nuôi con với chị Lê Thị T số tiền là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng một tháng), kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T có trách nhiệm nộp lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Tuấn T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2008 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn T có trách nhiệm đóng góp nuôi con với chị Lê Thị T số tiền là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng một tháng), kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị T có trách nhiệm nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm. Chị Lê Thị T đã nộp 150.000 đồng (một trăm

năm mươi nghìn đồng) - tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm theo biên lai số 0017858 ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Anh Phạm Văn T có trách nhiệm nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm. Anh Phạm Văn T đã nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) - tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm theo biên lai số 0017859 ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Bích Diệp